

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 11 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn
2. Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993, cư trú tại: thôn, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1992, cư trú tại: thôn, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Lê Văn H qua tìm hiểu, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào ngày 10/7/2017, sau

khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng; tình cảm vợ chồng chỉ thực sự hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 2 đến 3 tháng thì không còn được hạnh phúc và phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và công việc; anh H thường đi làm xa vài ba ngày mới về nhà, nhưng khi về cũng không quan tâm tới vợ con mà thường hay tụ tập bạn chơi bởi làm ảnh hưởng đến kinh tế và tình cảm vợ chồng; Chị T và gia đình có khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi. Từ sau khi chị T sinh con thì tình cảm vợ chồng mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, sau khi sinh con được 01 tháng thì chị T và con bỏ về sinh sống bên nhà mẹ đẻ. Từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Thị Diệu A, sinh ngày 08/6/2018, hiện tại đang ở với chị T; nguyện vọng của chị T là được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại con chung đang còn nhỏ, chị đã tự nuôi con từ sau khi vợ chồng sống ly thân.

Về tài sản: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ tiền, tài sản của ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án, nhưng vắng mặt, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại biên bản xác minh ngày 24/10/2018, Ủy ban nhân dân xã T cho biết: Anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị T có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 10/7/2017; quá trình chung sống anh H và chị T có 01 con chung là Lê Thị Diệu A, sinh ngày 08/6/2018, con chung hiện đang ở với chị T; Anh H thường đi làm ăn xa thì thoảng mới về nhà.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Sao gửi các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất cho anh Lê Văn H, nhưng anh H không đến Tòa án làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Văn H; Về con chung: giao cháu Lê Thị Diệu A cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài

sản: không xem xét giải quyết; Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện đề nghị giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Lê Văn H, cư trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Lê Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có lần Tòa án tổng đạt trực tiếp cho anh H, các lần còn lại tổng đạt qua người thân cùng nơi cư trú, nhưng anh H không đến Tòa án làm việc; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn H tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/7/2017, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H với lý do trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng không được hạnh phúc và phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và công việc, anh H không quan tâm tới vợ con mà thường hay tụ tập bạn chơi bởi làm ảnh hưởng đến kinh tế và tình cảm vợ chồng; Chị T và gia đình có khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi; từ sau khi sinh con được 01 tháng thì chị T và anh H đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh H không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Văn H.

[3] Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Thị Diệu A, sinh ngày 08/6/2018, hiện tại con chung đang ở với chị T.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị T, thấy rằng: cháu Lê Thị Diệu A đang ở độ tuổi dưới 36 tháng tuổi và hiện đang ở ổn định với chị T, chị T có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, trong khi anh H quá trình giải

quyết vụ án, không đến Tòa án làm việc, không trình bày quan điểm về nuôi con chung. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con chung của chị T, giao cháu Lê Thị Diệu A cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: xét thấy anh H không có lời khai trong hồ sơ, còn chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị T, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về phần tài sản: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ tiền, tài sản của ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng anh H chưa có lời khai trong hồ sơ, nên chưa có cơ sở xem xét giải quyết về phần tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T,

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn H có 01 (một) con chung là Lê Thị Diệu A, sinh ngày 08/6/2018, hiện tại con chung đang ở với chị T;

Giao cháu Lê Thị Diệu A cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Lê Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000997 ngày 07/9/2018

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến